

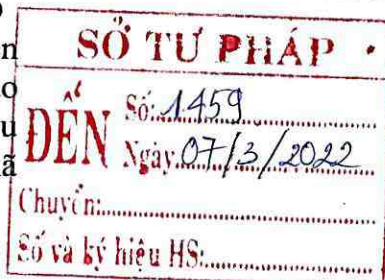
**UBND THỊ XÃ AN NHƠN
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
VÀ PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

An Nhơn, ngày 4 tháng 3 năm 2022

Số: 75/BQLDA ĐTXD&PTQĐ

Về việc đăng tải công khai trên
Trang Thông tin điện tử về thông báo
đấu giá quyền sử dụng đất tại các khu
quy hoạch dân cư trên địa bàn thị xã
An Nhơn



Kính gửi:

- Sở Tài chính Bình Định;
- Sở Tư pháp Bình Định.

Căn cứ Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 17/8/2018 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Văn bản số 2345/ STC-QLGCS ngày 27/9/2018 của Sở Tài chính Bình Định về việc cung cấp thông tin về thông báo đấu giá quyền sử dụng đất để đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Tài chính;

Căn cứ Văn bản số 1092/STP-BTTP ngày 18/12/2018 của Sở Tư pháp Bình Định về việc cung cấp thông tin về thông báo đấu giá quyền sử dụng đất để đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp;

Thực hiện Quyết định và các Văn bản nêu trên, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã An Nhơn thông báo đấu giá quyền sử dụng đất 190 lô đất trên địa bàn thị xã An Nhơn, cụ thể như sau:

1. Số lượng lô đất và địa chỉ lô đất:

- 58 lô đất ở tại Khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Văn Linh, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;
- 44 lô đất ở tại Khu dân cư hai bên đường từ cầu Trường Thi đi Quốc lộ 19, khu vực An Lộc, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;
- 05 lô đất ở tại Điểm dân cư Tổ 6, khu vực Lý Tây, phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;
- 42 lô đất ở tại Khu quy hoạch dân cư sau Trường THCS, khu vực Tiên Hội, phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;
- 01 lô đất ở tại Khu quy hoạch gần chợ Gò Găng, khu vực Tiên Hội, phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;
- 01 lô đất ở tại Khu quy hoạch dân cư Thanh Liêm, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;

- 04 lô đất ở tại Khu dân cư thôn Nhơn Thiện, xã Nhơn Hạnh, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;
- 04 lô đất ở tại Khu quy hoạch dân cư thôn Bình An (Khu C), xã Nhơn Hạnh, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;
- 13 lô đất ở tại Khu quy hoạch dân cư thôn Định Thuận, xã Nhơn Hạnh, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;
- 01 lô đất ở tại Vị trí 1: Điểm dân cư xen kẹt thôn Bình An, xã Nhơn Hạnh, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;
- 15 lô đất ở tại Khu quy hoạch dân cư tại sân vận động cũ, thôn An Thái, xã Nhơn Phúc, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;
- 02 lô đất ở tại Khu quy hoạch dân cư thôn Trung Lý, xã Nhơn Phong, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;

2. Ký hiệu, vị trí, lộ giới, diện tích, giá khởi điểm, khoản tiền đặt trước, tiền hồ sơ tham gia đấu giá và bước giá của từng lô đất: Có bảng kê lập kèm theo

3. Tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất: Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương, địa chỉ: Lô DC 1a-13 Nguyễn Thị Định, phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (Website: www.daugiataisandongduong.com).

4. Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá:

a. Cuộc đấu giá quyền sử dụng đất và công bố vào ngày 27/03/2022, gồm 45 lô đất, trong đó: Khu dân cư hai bên đường từ cầu Trường Thi đi Quốc lộ 19, khu vực An Lộc, phường Nhơn Hòa 32 lô - Khu A1 gồm: Từ lô số 01 đến lô số 32; Khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Văn Linh, phường Bình Định 13 lô; Trong đó: 06 lô - Khu BT3, gồm: Từ lô số 01 đến lô số 06; 07 lô - Khu NP-TM1, gồm: Từ lô số 10 đến lô số 13, từ lô số 23 đến lô số 25; cụ thể như sau:

- Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá: liên tục kể từ ngày niêm yết đến 15 giờ ngày 24/03/2022 tại Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương;

- Thời gian đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (Gần công viên nước An Nhơn): Từ 07 giờ 30 phút ngày 23/03/2022 đến 16 giờ ngày 24/03/2022;

- Thời gian nộp khoản tiền đặt trước: đến trước 16 giờ ngày 24/03/2022;

- Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá và công bố giá: Bắt đầu lúc 07 giờ 30 phút ngày 27/03/2022 tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (Gần công viên nước An Nhơn).

b. Cuộc đấu giá quyền sử dụng đất và công bố vào ngày 03/04/2022, gồm 41 lô đất, trong đó: Khu dân cư hai bên đường từ cầu Trường Thi đi Quốc lộ 19, khu vực An Lộc, phường Nhơn Hòa 12 lô - Khu A2, gồm: Từ lô số 01 đến lô số 12; Khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Văn Linh, phường Bình Định 11 lô; Trong đó: 05 lô - Khu BT5, gồm: Từ lô số 02 đến lô số 06; 06 lô - Khu NP-TM1, gồm: Từ lô số

01 đến lô số 03, từ lô số 20 đến lô số 22; Khu quy hoạch dân cư thôn Trung Lý, xã Nhơn Phong 02 lô - Khu B1, gồm: Lô số 17, lô số 18; Khu quy hoạch dân cư thôn Thanh Liêm, xã Nhơn An 01 lô - Lô số 13; Khu quy hoạch dân cư tại sân vận động cũ thôn An Thái, xã Nhơn Phúc 15 lô; Trong đó: Khu A-11 lô, gồm: Lô số A01, Từ lô số A05 đến lô số A12, Lô số A14, lô số A15; Khu B: 04 lô, gồm: Lô số B02, lô số B05, lô số B06, lô số B09; Các lô đất còn lại thuộc các Khu dân cư do không có người tham gia đấu giá của phiên đấu giá ngày 27/03/2022; cụ thể như sau:

- Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá: liên tục kể từ ngày niêm yết đến 15 giờ ngày 31/3/2022 tại Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương;

- Thời gian đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (Gần công viên nước An Nhơn): Từ 07 giờ 30 phút ngày 30/3/2022 đến 16 giờ ngày 31/3/2022;

- Thời gian nộp khoản tiền đặt trước: đến trước 16 giờ ngày 31/3/2022;

- Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá và công bố giá: Bắt đầu lúc 07 giờ 30 phút ngày 03/4/2022 tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (Gần công viên nước An Nhơn).

c. Cuộc đấu giá quyền sử dụng đất và công bố vào ngày 17/4/2022, gồm 40 lô đất, trong đó: Khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Văn Linh, phường Bình Định 18 lô; Trong đó: Khu F- 01 lô số 20; Khu H- 01 lô số 20; Khu NP-TM1 - 06 lô, gồm: Từ lô số 04 đến lô số 06, từ lô số 17 đến lô số 19; Khu BT4 - 10 lô, gồm: Từ lô số 01 đến lô số 10; Khu quy hoạch dân cư thôn Nhơn Thiện, xã Nhơn Hạnh 04 lô; Trong đó: Khu DO - 03 - 03 lô, gồm: Lô số 01, lô số 02, lô số 08; Khu DO-04- 01 lô số 05; Khu quy hoạch dân cư thôn Bình An, xã Nhơn Hạnh 04 lô - Khu C, gồm: Từ lô số 01 đến lô số 04; Khu quy hoạch dân cư thôn Định Thuận, xã Nhơn Hạnh 13 lô; Trong đó: Khu B - 07 lô, gồm: Lô số 01, từ lô số 08 đến lô số 11, lô số 13, lô số 14; Khu C - 06 lô, gồm: Lô số 01, từ lô số 03 đến lô số 07; Vị trí 1: Điểm dân cư xen kẹt thôn Bình An, xã Nhơn Hạnh (vị trí B)- 01 lô số 04; Các lô đất còn lại thuộc các Khu dân cư do không có người tham gia đấu giá của phiên đấu giá ngày 03/04/2022; cụ thể như sau:

- Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá: liên tục kể từ ngày niêm yết đến 15 giờ ngày 14/4/2022 tại Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương;

- Thời gian đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (Gần công viên nước An Nhơn): Từ 07 giờ 30 phút ngày 13/4/2022 đến 16 giờ ngày 14/4/2022;

- Thời gian nộp khoản tiền đặt trước: đến trước 16 giờ ngày 14/4/2022;

- Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá và công bố giá: Bắt đầu lúc 07 giờ 30 phút ngày 17/4/2022 tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (Gần công viên nước An Nhơn).

d. Cuộc đấu giá quyền sử dụng đất và công bố vào ngày 24/04/2022, gồm 64 lô đất, trong đó: Khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Văn Linh, phường Bình Định 16 lô; Trong đó: Khu NP-TM1 – 06 lô, gồm: Từ lô số 07 đến lô số 09, từ lô số 14 đến lô số 16; Khu BT6 – 10 lô, gồm: Từ lô số 01 đến lô số 10; Điểm dân cư Tổ 6, khu vực Lý Tây, phường Nhơn Thành 05 lô, trong đó: Khu A - 01 lô số 05; Khu B 04 lô, gồm: Lô số 01, từ lô số 10 đến lô số 12; Khu quy hoạch dân cư sau Trường THCS Nhơn Thành, khu vực Tiên Hội, phường Nhơn Thành, trong đó: Khu A – 14 lô, gồm: Từ lô số 01 đến lô số 07, lô số 13, từ lô số 16 đến lô số 21; Khu C - 09 lô, gồm: Lô số 01, lô số 02, từ lô số 04 đến lô số 10; Khu D – 19 lô, gồm: Lô số 01, từ lô số 04 đến lô số 21; Các lô đất còn lại thuộc các Khu dân cư do không có người tham gia đấu giá của phiên đấu giá ngày 17/04/2022; cụ thể như sau:

- Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá: liên tục kể từ ngày niêm yết đến 15 giờ ngày 21/4/2022 tại Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương;

- Thời gian đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (Gần công viên nước An Nhơn): Từ 07 giờ 30 phút ngày 20/4/2022 đến 16 giờ ngày 21/4/2022;

- Thời gian nộp khoản tiền đặt trước: đến trước 16 giờ ngày 21/4/2022;

- Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá và công bố giá: Bắt đầu lúc 07 giờ 30 phút ngày 24/4/2022 tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (Gần công viên nước An Nhơn).

e. Cuộc đấu giá quyền sử dụng đất ở và công bố giá vào các ngày chủ nhật hàng tuần sau ngày 24/04/2022 (Các lô đất còn lại thuộc các Khu dân cư nêu trên do không có người tham gia đấu giá), cụ thể như sau:

- Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá: liên tục đến 16 giờ ngày thứ 5 hàng tuần tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (Gần công viên nước An Nhơn);

- Thời gian nộp khoản tiền đặt trước: đến trước 16 giờ ngày thứ 5 hàng tuần;

- Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá và công bố giá: bắt đầu lúc 07 giờ ngày chủ nhật hàng tuần tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (Gần công viên nước An Nhơn).

Để tổ chức, thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất ở đảm bảo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã An Nhơn kính đề nghị Sở Tài chính và Sở Tư pháp Bình Định đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở Tài chính và Sở Tư pháp Bình Định.

(Cụ thể có bảng kê Thông báo đấu giá và hồ sơ pháp lý kèm theo)

Rất mong sự phối hợp thực hiện của quý Sở để Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã An Nhơn tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định.

Địa chỉ liên hệ: Số 75 đường Lê Hồng Phong, phường Bình Định, thị xã An Nhơn; Điện thoại: 0256.3735.456) *mmh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



mmh
Nguyễn Thanh Hồng

UBND THỊ XÃ AN NHƠN
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
VÀ PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ CÁC LÔ ĐẤT THÔNG BÁO ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở
TẠI ĐỊA BÀN THỊ XÃ AN NHƠN

(Kèm theo Công văn số: **75** /BQLĐAĐTXD&PTQĐ, ngày **4** tháng **3** năm **2022**
của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã An Nhơn)

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Khu dân cư hai bên đường từ cầu Trường Thi đi Quốc lộ 19 thuộc khu vực An Lộc, phường Nhơn Hòa (Khu A1)										
			Đường ĐS1 (Đường Trường Thi)							
1	1	125,00		32	7.500.000	937.500.000	187.000.000	500.000	47.000.000	
2	2	125,00	//	//	7.500.000	937.500.000	187.000.000	500.000	47.000.000	
3	3	125,00	//	//	7.500.000	937.500.000	187.000.000	500.000	47.000.000	
4	4	125,00	//	//	7.500.000	937.500.000	187.000.000	500.000	47.000.000	
5	5	125,00	//	//	7.500.000	937.500.000	187.000.000	500.000	47.000.000	
6	6	125,00	//	//	7.500.000	937.500.000	187.000.000	500.000	47.000.000	
7	7	125,00	//	//	7.500.000	937.500.000	187.000.000	500.000	47.000.000	
8	8	125,00	//	//	7.500.000	937.500.000	187.000.000	500.000	47.000.000	
9	9	125,00	//	//	7.500.000	937.500.000	187.000.000	500.000	47.000.000	
10	10	125,00	//	//	7.500.000	937.500.000	187.000.000	500.000	47.000.000	
11	11	125,00	//	//	7.500.000	937.500.000	187.000.000	500.000	47.000.000	
12	12	125,00	//	//	7.500.000	937.500.000	187.000.000	500.000	47.000.000	
13	13	125,00	//	//	7.500.000	937.500.000	187.000.000	500.000	47.000.000	
14	14	125,00	//	//	7.500.000	937.500.000	187.000.000	500.000	47.000.000	
15	15	125,00	//	//	7.500.000	937.500.000	187.000.000	500.000	47.000.000	
16	16	125,00	//	//	7.500.000	937.500.000	187.000.000	500.000	47.000.000	
17	17	247,60	//	//	9.000.000	2.228.400.000	445.000.000	500.000	112.000.000	Lô góc
			Đường QH ĐS11 (đường Lê Quý Đôn nối dài)							
18	18	132,70		24	6.500.000	862.550.000	172.000.000	500.000	44.000.000	
19	19	132,70	//	//	6.500.000	862.550.000	172.000.000	500.000	44.000.000	
20	20	132,70	//	//	6.500.000	862.550.000	172.000.000	500.000	44.000.000	

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
21	21	132,70	//	//	6.500.000	862.550.000	172.000.000	500.000	44.000.000	
22	22	132,70	//	//	6.500.000	862.550.000	172.000.000	500.000	44.000.000	
23	23	132,70	//	//	6.500.000	862.550.000	172.000.000	500.000	44.000.000	
24	24	252,80	//	//	7.800.000	1.971.840.000	394.000.000	500.000	99.000.000	Lô góc
25	25	250,00	Đường ĐS02	14	6.000.000	1.500.000.000	300.000.000	500.000	75.000.000	
26	26	250,00	//	//	6.000.000	1.500.000.000	300.000.000	500.000	75.000.000	
27	27	250,00	//	//	6.000.000	1.500.000.000	300.000.000	500.000	75.000.000	
28	28	250,00	//	//	6.000.000	1.500.000.000	300.000.000	500.000	75.000.000	
29	29	250,00	//	//	6.000.000	1.500.000.000	300.000.000	500.000	75.000.000	
30	30	250,00	//	//	6.000.000	1.500.000.000	300.000.000	500.000	75.000.000	
31	31	250,00	//	//	6.000.000	1.500.000.000	300.000.000	500.000	75.000.000	
32	32	250,00	//	//	6.000.000	1.500.000.000	300.000.000	500.000	75.000.000	
Cộng		5.296,60	-		-	36.375.540.000	7.263.000.000	16.000.000	1.827.000.000	
Khu dân cư hai bên đường từ cầu Trường Thi đi Quốc lộ 19 thuộc khu vực An Lộc, phường Nhơn Hòa (Khu A2)										
33	1	250,00	Đường ĐS2	14	6.000.000	1.500.000.000	300.000.000	500.000	75.000.000	
34	2	250,00	//	//	6.000.000	1.500.000.000	300.000.000	500.000	75.000.000	
35	3	250,00	//	//	6.000.000	1.500.000.000	300.000.000	500.000	75.000.000	
36	4	250,00	//	//	6.000.000	1.500.000.000	300.000.000	500.000	75.000.000	
37	5	250,00	//	//	6.000.000	1.500.000.000	300.000.000	500.000	75.000.000	
38	6	250,00	//	//	6.000.000	1.500.000.000	300.000.000	500.000	75.000.000	
39	7	250,00	//	//	6.000.000	1.500.000.000	300.000.000	500.000	75.000.000	
40	8	250,00	//	//	6.000.000	1.500.000.000	300.000.000	500.000	75.000.000	
41	9	253,10	Đường QH ĐS11 (Đường Lê Quý Đôn nối dài)	24	7.800.000	1.974.180.000	394.000.000	500.000	99.000.000	Lô góc
42	10	132,70	//	//	6.500.000	862.550.000	172.000.000	500.000	44.000.000	
43	11	132,70	//	//	6.500.000	862.550.000	172.000.000	500.000	44.000.000	
44	12	132,70	//	//	6.500.000	862.550.000	172.000.000	500.000	44.000.000	
Cộng		2.651,20	-	-	-	16.561.830.000	3.310.000.000	6.000.000	831.000.000	

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m2)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Văn Linh, phường Bình Định (Khu F)										
45	20	197,20	Đường ĐS4	16	15.600.000	3.076.320.000	615.000.000	500.000	154.000.000	Lô góc
Khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Văn Linh, phường Bình Định (Khu H)										
46	20	242,30	Đường ĐS4	16	15.600.000	3.779.880.000	755.000.000	500.000	189.000.000	Lô góc
Khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Văn Linh, phường Bình Định (Khu BT3)										
47	1	266,30	Đường ĐS3	26	13.000.000	3.461.900.000	692.000.000	500.000	174.000.000	
48	2	266,30	//	//	13.000.000	3.461.900.000	692.000.000	500.000	174.000.000	
49	3	266,30	//	//	13.000.000	3.461.900.000	692.000.000	500.000	174.000.000	
50	4	266,30	//	//	13.000.000	3.461.900.000	692.000.000	500.000	174.000.000	
51	5	266,30	//	//	13.000.000	3.461.900.000	692.000.000	500.000	174.000.000	
52	6	266,30	//	//	13.000.000	3.461.900.000	692.000.000	500.000	174.000.000	
Cộng		1.597,80	-		-	20.771.400.000	4.152.000.000	3.000.000	1.044.000.000	
Khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Văn Linh, phường Bình Định (Khu BT4)										
53	1	266,3	Đường ĐS3	26	13.000.000	3.461.900.000	692.000.000	500.000	174.000.000	
54	2	266,3	//	//	13.000.000	3.461.900.000	692.000.000	500.000	174.000.000	
55	3	266,3	//	//	13.000.000	3.461.900.000	692.000.000	500.000	174.000.000	
56	4	266,3	//	//	13.000.000	3.461.900.000	692.000.000	500.000	174.000.000	
57	5	266,3	//	//	13.000.000	3.461.900.000	692.000.000	500.000	174.000.000	
58	6	266,3	//	//	13.000.000	3.461.900.000	692.000.000	500.000	174.000.000	
59	7	266,3	//	//	13.000.000	3.461.900.000	692.000.000	500.000	174.000.000	
60	8	266,3	//	//	13.000.000	3.461.900.000	692.000.000	500.000	174.000.000	
61	9	266,3	//	//	13.000.000	3.461.900.000	692.000.000	500.000	174.000.000	
62	10	363,6	//	//	15.600.000	5.672.160.000	1.134.000.000	500.000	284.000.000	Lô góc
Cộng		2.760,30	-		-	36.829.260.000	7.362.000.000	5.000.000	1.850.000.000	
Khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Văn Linh, phường Bình Định (Khu BT5)										
63	2	267,6	Đường ĐS5	16	14.000.000	3.746.400.000	749.000.000	500.000	188.000.000	
64	3	267,6	//	//	14.000.000	3.746.400.000	749.000.000	500.000	188.000.000	
65	4	267,6	//	//	14.000.000	3.746.400.000	749.000.000	500.000	188.000.000	
66	5	267,6	//	//	14.000.000	3.746.400.000	749.000.000	500.000	188.000.000	

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
67	6	267,6	//	//	14.000.000	3.746.400.000	749.000.000	500.000	188.000.000	
Cộng		1.338,0	-		-	18.732.000.000	3.745.000.000	2.500.000	940.000.000	
Khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Văn Linh, phường Bình Định (Khu BT6)										
68	1	267,6	Đường ĐS5	16	14.000.000	3.746.400.000	749.000.000	500.000	188.000.000	
69	2	267,6	//	//	14.000.000	3.746.400.000	749.000.000	500.000	188.000.000	
70	3	267,6	//	//	14.000.000	3.746.400.000	749.000.000	500.000	188.000.000	
71	4	267,6	//	//	14.000.000	3.746.400.000	749.000.000	500.000	188.000.000	
72	5	267,6	//	//	14.000.000	3.746.400.000	749.000.000	500.000	188.000.000	
73	6	267,6	//	//	14.000.000	3.746.400.000	749.000.000	500.000	188.000.000	
74	7	267,6	//	//	14.000.000	3.746.400.000	749.000.000	500.000	188.000.000	
75	8	267,6	//	//	14.000.000	3.746.400.000	749.000.000	500.000	188.000.000	
76	9	267,6	//	//	14.000.000	3.746.400.000	749.000.000	500.000	188.000.000	
77	10	405,6	//	//	16.800.000	6.814.080.000	1.362.000.000	500.000	341.000.000	Lô góc
Cộng		2.814,0	-		-	40.531.680.000	8.103.000.000	5.000.000	2.033.000.000	
Khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Văn Linh, phường Bình Định (Khu NP - TM 1)										
78	1	291,9	Đường gom Nguyễn Văn Linh (đường Nguyễn Văn Linh)	56	22.000.000	6.421.800.000	1.284.000.000	500.000	322.000.000	
79	2	291,9	//	//	22.000.000	6.421.800.000	1.284.000.000	500.000	322.000.000	
80	3	291,9	//	//	22.000.000	6.421.800.000	1.284.000.000	500.000	322.000.000	
81	4	291,9	//	//	22.000.000	6.421.800.000	1.284.000.000	500.000	322.000.000	
82	5	291,9	//	//	22.000.000	6.421.800.000	1.284.000.000	500.000	322.000.000	
83	6	291,9	//	//	22.000.000	6.421.800.000	1.284.000.000	500.000	322.000.000	
84	7	291,9	//	//	22.000.000	6.421.800.000	1.284.000.000	500.000	322.000.000	
85	8	291,9	//	//	22.000.000	6.421.800.000	1.284.000.000	500.000	322.000.000	
86	9	291,9	//	//	22.000.000	6.421.800.000	1.284.000.000	500.000	322.000.000	
87	10	291,9	//	//	22.000.000	6.421.800.000	1.284.000.000	500.000	322.000.000	
88	11	291,9	//	//	22.000.000	6.421.800.000	1.284.000.000	500.000	322.000.000	
89	12	291,9	//	//	22.000.000	6.421.800.000	1.284.000.000	500.000	322.000.000	

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
90	13	333,6	//	//	26.400.000	8.807.040.000	1.761.000.000	500.000	441.000.000	Lô góc
91	14	465,9	Đường ĐS7	20	20.400.000	9.504.360.000	1.900.000.000	500.000	476.000.000	Lô góc
92	15	291,9	//	//	17.000.000	4.962.300.000	992.000.000	500.000	249.000.000	
93	16	291,9	//	//	17.000.000	4.962.300.000	992.000.000	500.000	249.000.000	
94	17	291,9	//	//	17.000.000	4.962.300.000	992.000.000	500.000	249.000.000	
95	18	291,9	//	//	17.000.000	4.962.300.000	992.000.000	500.000	249.000.000	
96	19	291,9	//	//	17.000.000	4.962.300.000	992.000.000	500.000	249.000.000	
97	20	291,9	//	//	17.000.000	4.962.300.000	992.000.000	500.000	249.000.000	
98	21	291,9	//	//	17.000.000	4.962.300.000	992.000.000	500.000	249.000.000	
99	22	291,9	//	//	17.000.000	4.962.300.000	992.000.000	500.000	249.000.000	
100	23	291,9	//	//	17.000.000	4.962.300.000	992.000.000	500.000	249.000.000	
101	24	291,9	//	//	17.000.000	4.962.300.000	992.000.000	500.000	249.000.000	
102	25	291,9	//	//	17.000.000	4.962.300.000	992.000.000	500.000	249.000.000	
Cộng		7.513,20	-		-	149.958.300.000	29.981.000.000	12.500.000	7.520.000.000	

Điểm dân cư Tổ 6, khu vực Lý Tây, phường Nhơn Thành (Khu A)

103	15	202,50	Đường Võ Trứ	13	3.500.000	708.750.000	141.000.000	500.000	36.000.000	
-----	----	--------	--------------	----	-----------	-------------	-------------	---------	------------	--

Điểm dân cư Tổ 6, khu vực Lý Tây, phường Nhơn Thành (Khu B)

104	1	174,7	Đường ĐS3	9	3.000.000	524.100.000	104.000.000	500.000	27.000.000	
105	10	144,9	Đường ĐS2	13	3.000.000	434.700.000	86.000.000	200.000	31.000.000	
106	11	144,8	//	//	3.000.000	434.400.000	86.000.000	200.000	31.000.000	
107	12	153,2	//	//	3.000.000	459.600.000	91.000.000	200.000	33.000.000	
Cộng		617,60	-		-	1.852.800.000	367.000.000	1.100.000	122.000.000	

Khu quy hoạch dân cư sau Trường THCS Nhơn Thành, khu vực Tiên Hội, phường Nhơn Thành (Khu A)

108	1	165,90	Đường ĐS1	14	5.000.000	829.500.000	165.000.000	500.000	42.000.000	
109	2	148,10	//	//	5.000.000	740.500.000	148.000.000	500.000	38.000.000	
110	3	141,10	//	//	5.000.000	705.500.000	141.000.000	500.000	36.000.000	
111	4	140,00	//	//	5.000.000	700.000.000	140.000.000	500.000	35.000.000	
112	5	135,40	//	//	5.000.000	677.000.000	135.000.000	500.000	34.000.000	
113	6	153,00	//	//	5.000.000	765.000.000	153.000.000	500.000	39.000.000	
114	7	142,60	//	//	5.000.000	713.000.000	142.000.000	500.000	36.000.000	

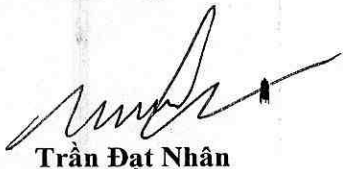
STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
115	13	329,50	//	//	5.000.000	1.647.500.000	329.000.000	500.000	83.000.000	
116	16	166,20	//	//	5.000.000	831.000.000	166.000.000	500.000	42.000.000	
117	17	169,30	//	//	5.000.000	846.500.000	169.000.000	500.000	43.000.000	
118	18	172,40	//	//	5.000.000	862.000.000	172.000.000	500.000	44.000.000	
119	19	174,00	//	//	5.000.000	870.000.000	174.000.000	500.000	44.000.000	
120	20	174,00	//	//	5.000.000	870.000.000	174.000.000	500.000	44.000.000	
121	21	174,00	//	//	5.000.000	870.000.000	174.000.000	500.000	44.000.000	
Cộng		2.385,50	-	-	-	11.927.500.000	2.382.000.000	7.000.000	604.000.000	
Khu quy hoạch dân cư sau Trường THCS Nhơn Thành, khu vực Tiên Hội, phường Nhơn Thành (Khu C)										
122	1	167,5	Đường DS5	14	6.600.000	1.105.500.000	221.000.000	500.000	56.000.000	Lô góc
123	2	135,0	//	//	5.500.000	742.500.000	148.000.000	500.000	38.000.000	
124	4	135,0	//	//	5.500.000	742.500.000	148.000.000	500.000	38.000.000	
125	5	135,0	//	//	5.500.000	742.500.000	148.000.000	500.000	38.000.000	
126	6	254,8	//	//	6.600.000	1.681.680.000	336.000.000	500.000	85.000.000	Lô góc
127	7	205,1	Đường DS1	14	5.500.000	1.128.050.000	225.000.000	500.000	57.000.000	
128	8	122,8	//	//	5.500.000	675.400.000	135.000.000	500.000	34.000.000	
129	9	131,6	//	//	5.500.000	723.800.000	144.000.000	500.000	37.000.000	
130	10	166,6	//	//	6.600.000	1.099.560.000	219.000.000	500.000	55.000.000	Lô góc
Cộng		1.453,40	-	-	-	8.641.490.000	1.724.000.000	4.500.000	438.000.000	
Khu quy hoạch dân cư sau Trường THCS Nhơn Thành, khu vực Tiên Hội, phường Nhơn Thành (Khu D)										
131	1	265,1	Đường DS5	14	6.600.000	1.749.660.000	349.000.000	500.000	88.000.000	Lô góc
132	4	216,0	//	//	5.500.000	1.188.000.000	237.000.000	500.000	60.000.000	
133	5	216,0	//	//	5.500.000	1.188.000.000	237.000.000	500.000	60.000.000	
134	6	216,0	//	//	5.500.000	1.188.000.000	237.000.000	500.000	60.000.000	
135	7	216,0	//	//	5.500.000	1.188.000.000	237.000.000	500.000	60.000.000	
136	8	262,0	//	//	6.600.000	1.729.200.000	345.000.000	500.000	87.000.000	Lô góc
137	9	208,0	Đường DS1	14	6.600.000	1.372.800.000	274.000.000	500.000	69.000.000	Lô góc
138	10	135,0	//	//	5.500.000	742.500.000	148.000.000	500.000	38.000.000	
139	11	135,0	//	//	5.500.000	742.500.000	148.000.000	500.000	38.000.000	
140	12	135,0	//	//	5.500.000	742.500.000	148.000.000	500.000	38.000.000	

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m2)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
141	13	135,0	//	//	5.500.000	742.500.000	148.000.000	500.000	38.000.000	
142	14	135,0	//	//	5.500.000	742.500.000	148.000.000	500.000	38.000.000	
143	15	135,0	//	//	5.500.000	742.500.000	148.000.000	500.000	38.000.000	
144	16	135,0	//	//	5.500.000	742.500.000	148.000.000	500.000	38.000.000	
145	17	135,0	//	//	5.500.000	742.500.000	148.000.000	500.000	38.000.000	
146	18	135,0	//	//	5.500.000	742.500.000	148.000.000	500.000	38.000.000	
147	19	135,0	//	//	5.500.000	742.500.000	148.000.000	500.000	38.000.000	
148	20	135,0	//	//	5.500.000	742.500.000	148.000.000	500.000	38.000.000	
149	21	242,4	//	//	6.600.000	1.599.840.000	319.000.000	500.000	80.000.000	Lô góc
Cộng		3.326,50	-		-	19.371.000.000	3.863.000.000	9.500.000	982.000.000	
Khu quy hoạch dân cư gần chợ Gò Găng, khu vực Tiên Hội, phường Nhơn Thành - Vị trí 2 (Khu A3)										
150	17	197,90	Đường DS1	14	4.200.000	831.180.000	166.000.000	500.000	42.000.000	Lô góc
Cộng		197,90	-		-	831.180.000	166.000.000	500.000	42.000.000	
Khu quy hoạch dân cư Thanh Liêm, xã Nhơn An										
151	13	270,40	Đường ĐS2	16	4.950.000	1.338.480.000	267.000.000	500.000	67.000.000	Lô góc
Cộng		270,40	-		-	1.338.480.000	267.000.000	500.000	67.000.000	
Khu quy hoạch dân cư thôn Nhơn Thiện, xã Nhơn Hạnh (Khu DO - 03)										
152	1	167,5	Đường QH DS1	12	2.800.000	469.000.000	93.000.000	200.000	33.000.000	
153	2	159,1	//	//	2.800.000	445.480.000	89.000.000	200.000	32.000.000	
154	8	138,0	Đường QH DS3	12	2.800.000	386.400.000	77.000.000	200.000	28.000.000	
Cộng		464,60	-	-	-	1.300.880.000	259.000.000	600.000	93.000.000	
Khu quy hoạch dân cư thôn Nhơn Thiện, xã Nhơn Hạnh (Khu DO - 04)										
155	5	198,70	Đường DS2	13	2.500.000	496.750.000	99.000.000	200.000	35.000.000	Lô góc
Cộng		198,70	-	-	-	496.750.000	99.000.000	200.000	35.000.000	
Khu quy hoạch dân cư thôn Bình An, xã Nhơn Hạnh (Khu C)										
156	1	326,10	Đường ĐS3	13	2.850.000	929.385.000	185.000.000	500.000	47.000.000	
157	2	255,00	//	//	2.850.000	726.750.000	145.000.000	500.000	37.000.000	
158	3	232,50	//	//	2.850.000	662.625.000	132.000.000	500.000	34.000.000	

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m2)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
159	4	144,20	//	//	2.850.000	410.970.000	82.000.000	200.000	29.000.000	
Cộng		957,80	-	-	-	2.729.730.000	544.000.000	1.700.000	147.000.000	
Khu quy hoạch dân cư thôn Định Thuận, xã Nhơn Hạnh (Khu B)										
160	1	198,60	Đường ĐS1	9	2.100.000	417.060.000	83.000.000	200.000	30.000.000	
161	8	178,70	Đường ĐS2	9	2.000.000	357.400.000	71.000.000	200.000	26.000.000	
162	9	176,10	//	//	2.000.000	352.200.000	70.000.000	200.000	25.000.000	
163	10	173,50	//	//	2.000.000	347.000.000	69.000.000	200.000	25.000.000	
164	11	170,90	//	//	2.000.000	341.800.000	68.000.000	200.000	24.000.000	
165	13	165,70	Đường ĐS2	9	2.000.000	331.400.000	66.000.000	200.000	24.000.000	
166	14	229,40	//	//	2.000.000	458.800.000	91.000.000	200.000	33.000.000	
Cộng		1.292,90	-	-	-	2.605.660.000	518.000.000	1.400.000	187.000.000	
Khu quy hoạch dân cư thôn Định Thuận, xã Nhơn Hạnh (Khu C)										
167	1	222,80	Đường ĐS1	9	2.310.000	514.668.000	102.000.000	500.000	26.000.000	Lô góc
168	3	172,20	//	//	2.100.000	361.620.000	72.000.000	200.000	26.000.000	
169	4	282,20	//	//	2.100.000	592.620.000	118.000.000	500.000	30.000.000	
170	5	251,50	//	//	2.100.000	528.150.000	105.000.000	500.000	27.000.000	
171	6	242,20	//	//	2.100.000	508.620.000	101.000.000	500.000	26.000.000	
172	7	223,80	//	//	2.100.000	469.980.000	93.000.000	200.000	33.000.000	
Cộng		1.394,70	-	-	-	2.975.658.000	591.000.000	2.400.000	168.000.000	
Vị trí 1: Điểm dân cư xen kẹt thôn Bình An, xã Nhơn Hạnh (vị trí B)										
173	4	210,80	Đường ĐT. 631	30	5.500.000	1.159.400.000	231.000.000	500.000	58.000.000	Lô góc
Cộng		210,80	-	-	-	1.159.400.000	231.000.000	500.000	58.000.000	
Khu quy hoạch dân cư tại sân vận động cũ, thôn An Thái, xã Nhơn Phúc (Khu A)										
174	A01	178,80	Đường ĐS1 và ĐS3	12	4.950.000	885.060.000	177.000.000	500.000	45.000.000	Lô góc
175	A05	149,70	Đường ĐS3 và ĐS4	12 và 16	4.950.000	741.015.000	148.000.000	500.000	38.000.000	Lô đất 2 mặt tiền
176	A06	150,60	//	//	4.950.000	745.470.000	149.000.000	500.000	38.000.000	//

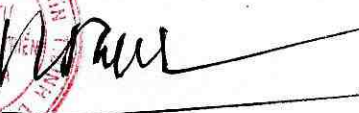
STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
177	A07	151,50	//	//	4.950.000	749.925.000	149.000.000	500.000	38.000.000	//
178	A08	152,40	//	//	4.950.000	754.380.000	150.000.000	500.000	38.000.000	//
179	A09	153,30	//	//	4.950.000	758.835.000	151.000.000	500.000	38.000.000	//
180	A10	154,20	//	//	4.950.000	763.290.000	152.000.000	500.000	39.000.000	//
181	A11	155,40	//	//	4.950.000	769.230.000	153.000.000	500.000	39.000.000	//
182	A12	156,30	//	//	4.950.000	773.685.000	154.000.000	500.000	39.000.000	//
183	A14	209,70	Đường ĐS1 và ĐS4	12 và 16	4.950.000	1.038.015.000	207.000.000	500.000	52.000.000	Lô góc
184	A15	193,00	Đường ĐS2 và ĐS3	12	4.950.000	955.350.000	191.000.000	500.000	48.000.000	Lô góc
Cộng		1.804,90	-	-	-	8.934.255.000	1.781.000.000	5.500.000	452.000.000	
Khu quy hoạch dân cư tại sân vận động cũ, thôn An Thái, xã Nhơn Phúc (Khu B)										
185	B02	155,60	Đường ĐS1 và ĐS5	12	4.950.000	770.220.000	154.000.000	500.000	39.000.000	Lô góc
186	B05	127,20	Đường ĐS1 và ĐS5	16 và 12	4.950.000	629.640.000	125.000.000	500.000	32.000.000	Lô đất 2 mặt tiền
187	B06	127,50	//	//	4.950.000	631.125.000	126.000.000	500.000	32.000.000	//
188	B09	129,30	//	//	4.950.000	640.035.000	128.000.000	500.000	33.000.000	//
Cộng		539,60	-	-	-	2.671.020.000	533.000.000	2.000.000	136.000.000	
Khu quy hoạch dân cư thôn Trung Lý, xã Nhơn Phong (Khu B1)										
189	17	203,44	Đường ĐT. 631	30	5.300.000	1.078.232.000	215.000.000	500.000	54.000.000	
190	18	172,12	//	//	5.300.000	912.236.000	182.000.000	500.000	46.000.000	
Cộng		375,56	-	-	-	1.990.468.000	397.000.000	1.000.000	100.000.000	
Tổng cộng		40.103,96	-	-	-	396.151.231.000	79.149.000.000	89.900.000	20.055.000.000	

Người lập


Trần Đạt Nhân



GIÁM ĐỐC


Nguyễn Thanh Hồng